



Hội Ái Hữu

Nguyễn Đình Chiểu & Lê Ngọc Hân Mỹ Tho

4555 University Ave San Diego, CA 92105-USA

Phone: 619-584-7568-Fax: 619-284-9822

<http://saigononline.com/ndclnh>-Email: ndclnh1996@aol.com

Đặc San Hè: *Viết gì đây?*



trong những đêm vắng, mưa chiều, biết ray rứt, biết nhớ nhung và biết trọn vẹn nghĩa của hai chữ u buồn...

Lần giờ bốn quyển Đặc San ĐNC-LNH cũ, đọc lại một số bài viết trong đấy. Xin trích ra đây vài đoạn văn của một bài đăng trong Đặc San số 1 [1997].

Tôi thường nhủ với lòng là thế nào cũng có một ngày tôi trở lại, tìm về cái thành phố thân yêu đó, nơi tôi đã sinh ra cùng với những buồn vui suốt quãng đời niên thiếu, và hơn hết có lẽ vì nơi đây còn là nơi chứng kiến cho lần yêu đầu đời mà ba mươi năm qua nó vẫn đeo đẳng tôi như một ray rứt êm đềm, một hồn ma thân ái. Châu thành Mỹ Tho... Trên đường về, chỉ cần đến ngã ba Trung Lương, là lòng tôi rộn rã lên rồi. Từ đó, tôi lần lượt qua ba chiếc cầu nhỏ là một trời thơ ấu sẽ hiện ra như mới ngày hôm qua...

Trường xưa, Nguyễn Đình Chiểu, cái tên mà suốt bảy năm trung học tôi đã mang nó bên trái ngực tôi, thế nhưng chưa một lần tôi nghĩ là sẽ có ngày chỉ nghe một chút gì liên quan đến nó thôi là dạ tôi những bồi hồi... Có còn không hai dây lều sắt mà mỗi đầu giờ sáng thứ hai chúng tôi đều thưởng thức cái mùi ngai ngái của lũ dơi để lại sau một ngày nghỉ việc của bác lao công và vắng bóng đám quần kaki xanh áo trắng. Ở đâu rồi bao thầy cô mà có người từng dạy dỗ chặn giữ bọn tôi hằng mấy năm liền...

T. tên của một đôi mắt mơ buồn đã cho tôi một thời diên đảo, ánh mắt mà tôi đã hân hoan, tự nguyện giam đời mình vào trong đó. T. tên của một nụ cười làm chết dở hồn tôi, tên của một bóng hình đã mang đến cho tôi những đêm dài thức trắng và chính T. tên của một giọng hát đã ru tôi bao giấc ngủ thiên thần. Nàng là người đã dạy tôi biết thần thờ, mơ mộng, biết lang thang



Đến năm tôi học lớp Đệ Nhất thì phải theo gia đình về Sài Gòn; viễn ảnh của một ly cách đã khiến tôi không còn giữ kín được chuyện lòng mình nữa. Tôi quyết định viết cho T. một lá thư bày tỏ bản tình ca lời người ra đi hay bài luận tình yêu đầu tiên của tôi... Với nội dung cô đọng, chỉ vắn vắn ba chữ thôi, mà làm thế nào lúc đó tôi có thể viết thành sáu bảy trang giấy học trò nhưng vẫn chưa thấy trọn ý...

Tiếp theo đó là những ngày tôi sống trong bồn chồn hồi hộp, lo âu, chờ đợi. Cái cảm giác còn hơn gấp bao nhiêu lần khi mong đón kết quả một kỳ thi, bởi với tôi thuở ấy nếu như rớt tú tài tôi còn có cơ hội thi lại chứ hồng cuộc tình là chết cả một trời mơ. Và hy vọng mong manh của tôi đã chìm tắt khi tôi nhận được hồi âm bằng chính lá thư của mình kèm theo một đôi dòng T. khéo léo chối từ...

Cho đến một ngày... Tôi có bao giờ ngờ sau gần ba mươi năm, tận đất khách quê người tôi gặp lại người tôi yêu thuở trước. Trong bữa cơm với bạn bè và hơn tiếng đồng hồ hội ngộ, chúng tôi đã thăm hỏi nhau về gia đình và cuộc sống hiện tại... Ôi, đó không phải là những gì mà ba mươi năm trước tôi mơ ước được hay sao? Thế nhưng khi từ giả, trên đường về hồn tôi bỗng trống rỗng tan hoang. Tôi thần thờ, ngậm ngùi như vừa đánh mất đi một cái gì quý báu, thì ra một T. với vẻ đẹp có phần kiêu sa lộng lẫy hơn, đã giết chết một T. của tôi thuở trước...

Trong Một Thoáng Ngậm Ngùi NĐT đã ghi lại những cảm nghĩ về thành phố tuổi thơ, về ngôi trường cũ, về tình yêu đầu đời, về tình đồng hương nơi đất khách... Các bạn thì sao? Những trang giấy trắng Đặc San Hè 2004 đang chờ đón những dòng mực của các bạn. Chờ cho đến 31 tháng 5!

**Ban Biên Tập
Đặc San Hè 2004**

TÔI ĐI HỌC

*Xuân đi học trong lòng hớn hởi.
Gặp bạn Xuân chơi ở giữa hàng,
Hỏi Xuân sao quá vội vàng?
Trống kia chưa đánh, đến trường làm chi?*

Tôi còn nhỏ, chưa có óc suy nghĩ, chớ ông anh lớn hơn tôi ba tuổi, má tôi hỏi anh đi học để làm gì, phong phốc anh trả lời: “Con đi học để làm qua ba, quan bốn!” Học để làm quan, học cho cha mẹ thầy giáo vui lòng! Dân mình thời bị trị có những ước vọng đơn giản, thực tế. Mà anh tôi cũng còn ở trình độ tiếng Việt con nít nên hễ đi học lòng không hớn hởi, mà cũng chẳng buồn lo hay phản đối. Tôi đi học một cách vô tư lự, người Pháp gọi là “sans état d’âme”. Có lẽ tại tiếp ba là bốn, anh chưa biết gọi quan tư. Tiếng Việt câu kỳ rắc rối, không dám gọi “quan bốn” sợ có người nghĩ bậy mích lòng. Tiếng Việt mình dễ nói một đằng hiểu một ngả, có người bảo như vậy là tiếng Việt giàu, nhưng có người cho rằng vì vậy mà người Việt có óc trào lộng, ranh mãnh. Sự thật dân mình có đầu óc độc lập, không chịu phục tùng, dù bị đè ép dưới hình thức nào, cũng tìm cách chống trả, mà khởi sự là trong ngôn ngữ hằng ngày. Tôi còn nhớ, khi Nhật chiếm xứ mình, Pháp còn cai trị, nhưng ai cũng biết sớm muộn gì Pháp cũng bị Nhật hất cẳng. Không có ông Trạng nào làm sấm hết. Chính dân gian đã đặt hai câu hát:

*Chùng nào lúa mọc trên chì,
Voi đi trên giấy, thầy tăng qua đời.*

Lúa mọc trên chì là trên một mặt của đồng một cắc có hình bụi lúa, voi đi trên giấy bởi trên mặt của tờ giấy bạc Đông Dương có hình con voi. Mả nói huych tẹt thẳng Tây qua đời là “ủ tở” Côn Đảo, Bà Rá tức thì nên câu sấm nói lái là “thầy tăng”, nói như vậy mà không phải như vậy, nên không ai bắt bẻ được. Cùng lúc bây giờ có lối nói “lái” Đại Điểm Quần Thân” tức “Chấm To Bầy Tôi” chú chàng được tặng bốn chữ này sau mới hiểu buồn lòng. Như sau này, có bài hát suy tôn được đổi lời.



Nhà chí sĩ được tung hô bằng câu “Bao nhiêu năm từng lên gối vô ba sườn”. Chưa hết đâu nào “Đồng Khởi, mất Tự Do, Nam Kỳ khởi nghĩa, tiêu Công Lý.” Rồi nhiều bài hát suy tôn mà dân chúng đổi lời, chánh quyền cấm không dám cho hát, bởi hát lên thì thiên hạ lại nghĩ đến những lời dân chúng sửa, rồi cười, mà cười rồi ghì trong bụng chớ không cười cho vui rồi bỏ qua, chớ không như ở Pháp, một xứ Tự Do thiên hạ đi nghe “Chansonnier” nhái ông này bà kia, dù có màu sắc chánh trị, rồi thì cũng để cười cho vui vậy thôi. Chính chỗ vô hại đó mà quyền Tự Do Ngôn Luận được tôn trọng, nói cho đã rồi thôi.

Dân mình thì khác. Nói đi nói lại là un đúc, những ca dao, vè thơ, bài hát, có sức mạnh thúc đẩy sức đấu tranh. Tinh thần chống áp bức của dân mình thể hiện qua các cuộc nổi dậy chống chánh quyền phong kiến bắt dân xây cung điện đồ sộ cho họ. Bởi vậy, Việt Nam không có Kim Tự Tháp, không có Vạn Lý Trường Thành, không có những lầu đài huy hoàng của các triều vua chúa để lại. Chúng ta phải tự hào về sự trần trụi này, đừng như một thiếu số trăm trổ của thiên hạ rồi tự trách sao mình không có như người ta! Họ không biết đó là xương máu, là mồ hôi nước mắt của từng lớp người dân bị cai trị mà những nhà lãnh đạo cùng giống cùng nòi với họ nhưng coi họ như tôi đòi, thua cả súc vật. Con ngựa họ cỡi, được nuôi ăn đầy đủ, có người phục dịch, chạy mệt cho nghỉ, con chó họ nuôi, được ăn no ngủ kỹ. Người dân bị họ bắt đi phục dịch, bị đưa đi đánh giặc, chết sống có ai màng. Nhưng dân mình có chí quật cường. Lịch sử Việt Nam có biết bao chuyện đổi thay, thế thiên hành đạo, cả đến thời cận đại như.

Pháp cai trị Việt Nam tám mươi năm mà nền giáo dục của họ gần như không có ảnh hưởng gì đến tâm tánh của dân Việt. Vả lại họ cũng bất chấp, chánh sách của thực dân là khai thác chớ đâu phải là khai hóa. Bởi vậy, chuyện học ở Việt Nam thời Pháp thuộc là phụ thuộc. Con nít Việt Nam không bị bắt buộc phải đi học. Trẻ con tới tuổi, cha mẹ có khả năng, muốn cho con đi học thì đem vào

trường, còn không, để ở nhà giữ em, sai vặt, cho đi ở đợ, làm mướn, chẳng ai rầy rà cả, nhất là con gái, cha mẹ lại càng ít lo cho chuyện học hành. Mà đi học thường ở làng chỉ có trường tổng, dạy đến lớp ba, biết đọc biết viết rồi thôi. Một số ít ra trường tỉnh, học đến lớp như, đậu rớt gì rồi cũng thôi, ra đi làm thợ, đi lính, làm bồi, làm bếp. Trường hợp chị tôi, xong tiểu học vào trung học, hàng xóm khuyên má tôi: “Nhà chị đông con, con gái lớn để nó ở nhà giúp chị, rồi đây nó đi lấy chồng, cho học nhiều làm gì!” Má tôi bảo: “Tôi dốt, tôi rất khổ, tôi không muốn con tôi phải khổ như tôi.” Thật ra má tôi xưa học chữ Nho, lớn lên lấy chồng, ba tôi dạy má tôi chữ quốc ngữ. Má tôi bảo: “Tao biết đọc chữ in, đọc được truyện sách, tao mê quá, thôi không học chữ viết. Sau này, quá tuổi sáu mươi, cần viết thư cho con ở xa xôi, má tôi lại cặm cụi học viết. Giờ tôi vẫn còn giữ kỹ niệm những bức thư má tôi viết cho tôi. Thấy má tôi ham đọc, ba tôi lại mua sách, nhà có một tủ sách, bà con đến chơi cứ lại tủ sách lục rồi mướn, mà ít khi nhớ trả! Bởi tánh ham học và muốn cho con cái được học nên ở nhà má tôi gánh vác hết mọi việc, không bắt con cái làm chuyện gì cả, ngoài chuyện học và đi chơi.

Tôi được năm tuổi, chị tôi bàn với má tôi cho tôi đi học sớm, bởi chị thấy nhiều đứa con nít Tây đi học sớm hay học giỏi nhảy lớp, thi tú tài trước tuổi. Thấy người ta *ăn khoai vác mai chạy quấy*. Thói thường phải nhập học từ đầu năm, đằng này, cao hứng, nói đó, làm đó. Đêm trước má kêu chị tôi: “Dạy em trước vài ba chữ để vô lớp nó khỏi bỡ ngỡ.” Sáng hôm sau chị tôi đưa tôi vào lớp, đám con nít đọc rân rân bởi đã học cả tháng rồi, ông giáo tiếp chị tôi, lấy quyển vở biên vài chữ, giao tôi cho một cô bạn lớn hơn tôi, đưa tôi xuống ngồi bàn chót gần cửa ra vào. Thấy cách thì cô bạn này đã quen việc phụ ông giáo kèm các chú trẻ tàu như tôi. Cô mở quyển tập, chỉ từng chữ A, B, C, kêu tôi đọc theo. Trúng tủ rồi! Mấy chữ này, chị tôi đã dạy tôi đêm qua nhưng tôi làm thỉnh không rỉ hơi. Cô bạn chỉ cho tôi hết đọc xuôi, rồi đọc ngược, cô kiểm xem tôi thuộc mặt chữ không hay đọc thuộc lòng, tuồng bụng. Tôi đọc trúng phong phúc, cô bạn vẫn tiếp tục bắt tôi đọc, một lúc tôi bắt đầu bực. Tôi nói nhỏ với cô: “Tao biết rồi” và cô chỉ từng chữ, tôi

không đọc nữa, ì ra đó. Cô cầm thước khê tay tôi, tức thì tôi thâu thước đánh trả lại. Hai đứa lung tung ở bàn chót, ông giáo chạy xuống, nắm tay can ra, tôi vung tay chạy ra sân, ra cổng trường, ra đường, chạy về nhà vừa chạy vừa chửi ông giáo. Tôi đang băng chòm má thí, một anh lớn chạy xe đạp theo bắt kịp, chở đưa tôi về nhà, giao cho má tôi. Anh nói gì tôi không rõ chỉ thấy má tôi không rầy, tôi lại rông chơi, đi học vồn vện có một tiếng đồng hồ. Chiều chị tôi đi làm về, không thêm ngo mặt tôi, chỉ nghe nói với má tôi “Con cái mất dạy”.

(Còn tiếp một kỳ)

Người Bạn (*)

(*) Trích trong *Tin Liên Trường* [France] số 32 Xuân Giáp Thân 2004.



Trường Xưa

Hoàng-Châu

*Học trò Lục Tỉnh nhớ chẳng
 Tiên-Giang con nước chảy băng mấy cồn?
 Vinh-Tràng chuông gióng bon-bon
 Tan trường tiếng trống hầy còn âm vang
 Về quê mấy kẻ trẻ-tràng,
 Lở dò Rạch-Miễu, lở dàng Gò-Công
 Học trò nay học thêm đông
 Rủ qua Chợ-Cũ, Vườn Bông Lạc-Hồng
 Điều-Hòa trên chợ dưới sông
 Ngang đường Trưng-Trực côi lòng phơi-phơi
 Thầy xưa bạn cũ đâu rồi
 Trường xưa ủ-dột giữa trời trơ-trơ!
 Trường Nguyễn-Đình-Chiếu bây giờ*

*Có như trường cũ ngày xưa thâm tình?
 Bây giờ non-nước điêu-linh
 Học trò Lục Tỉnh linh-đinh xứ người
 Trường xưa dù có đổi đời
 Ôn Thầy nghĩa bạn trọn đời không phai ...
 (Giọt Mưa Tàn, Tập Văn)*

TƯỞNG NHỚ THẦY

Phạm Văn Trọng (Collège de Mytho 1925-29)

Mỗi khi tưởng nhớ Giáo Sư Trần Văn Hương, tôi có một ân hận vô cùng là ngày Thầy từ trần, tôi không có mặt trong dòng người tiễn đưa linh cữu của Thầy đến nơi thủy táan, để đi vào lòng nước sâu rộng bao la Thái Bình Dương như lời Thầy dặn.

Hai lần làm Đô Trưởng, hai lần làm Thủ Tướng, một lần làm Thượng Nghị Sĩ, rồi đến Phó Tổng Thống và Tổng Thống (trong ba ngày), đạo đức của Thầy, đa số đồng bào đã biết đến.

Năm học 1925-26, tôi học Việt văn với Thầy, lớp Năm Thứ Hai (2ème Année) tại Collège de Mytho. Cuối tháng chạp âm lịch, giữa buổi học chiều, thành linh nổi lên một tiếng nổ vang rền trời đất, nhà trường rung chuyển, người người hoảng hốt, nhôn nhao. Lát sau, người ta biết được lý do: một người giúp việc nhà bếp cà thuốc pháo để dùng trong dịp Tết sắp đến, thuốc pháo bỗng nổ. Thảm thương cho người ấy chết ngay tại chỗ, thân thể tan nát. Đến buổi học chót, cả lớp tưởng niệm nạn nhân.

Trước giờ tan học, Thầy đọc cho cả lớp nghe một bài thơ Ông làm thuở còn đi học.

Cảnh nghèo khi Tết đến.
 Pháo nổ đùng đùng! Kìa ủa Tết!
 Năm tàn tháng lụn mà không biết.
 Xây quanh mảng tường cửa nhà nghèo,
 Rốt lại không hay ngày tháng hết.
 Áo lãnh quần hàng mặc khách vui,
 Nồi cơm thúng gạo lo mình mệt.



*Say sưa ngã ngôn nọ ai cười,
 Nghĩ nổi riêng mình thêm muốn chết.*

Chẳng biết vì sao từ ngày nghe Thầy đọc bài thơ này đến nay đã hơn 70 năm mà tôi còn nhớ, mặc dầu sau cơn bị ở tù (tù cộng sản) mà không biết năm nào, ngày nào được thả, những bài tôi thuộc lâu trước đây gần như quên hết, như: Le Lac (Lamartine), Le lever du soleil (J.J. Rousseau), Le crépuscule (Victor Hugo) và các bài ca trù của Nguyễn Công Trứ.

.....

Trong suốt mấy năm học ở Collège de Mytho, theo lời dặn trong lớp, thỉnh thoảng mấy học trò quê ở Vĩnh Long và tôi có ghé thăm Thầy. Nhờ đó, tôi được biết Thầy thích: uống trà ngon, đánh cờ tướng, đi bắn chim, câu cá, đi chài lưới về đêm, đi chơi ở thôn quê.

Có lần một người quen nhiều ở Vĩnh Long ghé nhà nhờ Thầy giúp cho đưa con thi vào Collège de Mytho. Ngày đăng kết quả, cậu con được chấm đậu. Kế đó, một hôm lúc Thầy đi vắng, người ấy đến cảm ơn Ông, gửi lại một bao thơ dán kín, rồi lật đặt ra về, sợ trễ tàu. Lát sau, Thầy về, xé thơ, thấy có tiền, tức tốc đạp xe ra bến tàu. Tàu vừa rời bến. Ông vừa ngoác vừa kêu lớn cho tàu trở lại. Tin là khách đi trễ, tàu cập bến lại. Thầy nháy xuống, hoàn bao thơ lại cho người quen bảo: cháu tự nó đậu chớ không có ai giúp nó, rồi nháy lên bờ.

Tháng 9 năm 1929 sau khi ra trường, tôi dạy học tại trường tiểu học Cai Lậy. Tháng 1 năm 1932, tôi cưới vợ và vẫn ở chung với cha mẹ tại Hội Sơn, làng nhà. Tháng 9 năm 1933, tôi dọn ra ở riêng tại một căn phố mượn gần dinh chủ quận Cai Lậy. Sáng bữa nọ, tôi từ trong nhà đi ra, chợt thấy một ông mặc quần xắn, tay cầm súng hơi, đi thụt lùi nhắm bắn chim trên cây điệp cạnh nhà tôi. Nhận ra là Giáo Sư Trần Văn Hương, tôi mừng quá, la lên: Thầy, Thầy... Tôi mời Thầy vào nhà rồi pha trà để tiếp ông. Tôi giới thiệu vợ tôi. Thầy rất vui khi được biết vợ tôi là em gái út của anh Lắm, người bạn học cùng lớp với tôi năm xưa. Hai bạn học thân trở thành anh vợ, em rể. Tôi cũng trình bày thêm vài sự việc để Thầy rõ...